



VNU Journal of Science: Education Research

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/ER>



## Original Article

# Application of Inter-textual Theory in Teaching Excerpt of the Play "The Spirit of Truong Ba, Skin Butcher" by Luu Quang Vu Under the Competence Development for Students

Le Hai Anh, Nguyen Thu Huong\*

*VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 06 August 2019

Revised 19 August 2019; Accepted 10 September 2019

**Abstract:** Based on the objectives of the new high school education program as well as the requirements of the modern education environment, this article proposed trends of teaching to apply inter-textual theory to develop students' competences. An excerpt of the play "The Spirit of Truong Ba, the skin of butcher" by Luu Quang Vu is an example for this research.

**Keywords:** Intertextuality, competency, play "The Spirit of Truong Ba, the skin of butcher", "Hon Truong Ba, da hang thit", teaching, Literature.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [Huongnt80@vnu.edu.vn](mailto:Huongnt80@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4287>



# Vận dụng lý thuyết liên văn bản vào dạy học trích đoạn kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ theo định hướng phát triển năng lực người học

Lê Hải Anh, Nguyễn Thu Hương\*

*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 8 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 8 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2019

**Tóm tắt:** Căn cứ vào mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như những yêu cầu của môi trường giáo dục hiện đại, bài viết đề xuất hướng vận dụng lý thuyết Liên văn bản trong dạy học nhằm hướng tới phát triển năng lực người học. Trích đoạn Kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông là mẫu cho hướng nghiên cứu này.

*Từ khóa:* Liên văn bản, năng lực, kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”, dạy học, Ngữ văn.

## 1. Đặt vấn đề

Mục tiêu của giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và đào tạo đề ra là tập trung hướng tới phát triển năng lực người học. Năng lực của người học có thể chia thành hai loại chính: 1) những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục. Đây là loại năng lực được hình thành xuyên chương trình; 2) những năng lực đặc thù, được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định [1]. Đây là dạng năng lực chuyên sâu, góp phần giúp mọi người giải quyết các công việc chuyên môn trong lĩnh vực công tác hẹp của mình.

Môn Ngữ văn trong chương trình tổng thể được xác định hướng tới việc giúp học sinh nâng cao năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, nhất là tiếp nhận văn bản văn học; tăng cường kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp hơn về nội dung và kỹ thuật viết; trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học.

Hướng tới việc phát triển năng lực người học ở môn Ngữ văn, chúng tôi đề xuất một hướng dạy học: vận dụng lý thuyết liên văn bản vào dạy học Ngữ văn trong trường phổ thông. Liên văn bản là một trong những lý thuyết căn bản của chủ nghĩa hậu hiện đại. Nó gắn liền với một đặc trưng quan trọng của văn bản văn học: tính đa nghĩa. Và chứng minh cho đặc thù của tiếp nhận văn học: Ý nghĩa của văn bản nằm ngoài hành động có ý thức của tác giả, nó thuộc về người đọc. Ứng dụng lý thuyết liên văn bản

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: [Huongnt80@vnu.edu.vn](mailto:Huongnt80@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4287>

vào dạy học văn bản văn học là hướng mới, cho phép người học phát triển tốt các năng lực cá nhân: năng lực sáng tạo, năng lực làm việc độc lập, khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển cách học thông minh đồng thời hình thành sự chắc chắn khoa học cho người học.

Ở bài viết này, chúng tôi chọn một văn bản văn học trong chương trình Ngữ văn lớp 12 để thực hiện hướng dạy học vận dụng lý thuyết liên văn bản, đó là trích đoạn kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của tác giả Lưu Quang Vũ.

## 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

### 2.1. Cơ sở lý luận

#### 2.1.1. Thể loại kịch, kịch Lưu Quang Vũ

Kịch là thể loại văn học mô tả con người cá nhân trong các mối quan hệ chứa đựng kịch tính đối với xã hội. Nền tảng tạo nên cấu trúc thể loại của kịch là hành động kịch. Kịch có cốt truyện, biểu hiện ở sự thống nhất cao độ của hành động kịch và nhịp độ phát triển của các sự kiện. Đặc điểm quan trọng nhất của nhân vật kịch là tính chất xác định cao độ về tính cách. Phương tiện biểu hiện tính cách và hành động kịch là lời thoại.

Tuy nhiên, kịch là một loại hình nghệ thuật hai mặt, vừa mang phẩm chất văn học vừa mang phẩm chất sân khấu, vì thế xác định đặc trưng của thể loại kịch phải tính đến sự chi phối của nghệ thuật sân khấu. (Đây là đặc điểm quan trọng để khảo sát tính liên văn bản trong kịch Lưu Quang Vũ sẽ trình bày ở phần sau).

Nổi lên như một hiện tượng của sân khấu kịch Việt Nam thời kì đổi mới, kịch Lưu Quang Vũ đi thẳng vào trung tâm của những mâu thuẫn gay gắt nhất của thời đại, bộc lộ sự lo âu, trăn trở về con người trong biến động xã hội. Không dừng lại ở tái hiện hiện thực, kịch Lưu Quang Vũ còn phơi bày, lý giải căn nguyên của những vấn đề đương thời trong đó tập trung vào ẩn ức tâm lý của xã hội bằng cái nhìn mang tính triết luận và tinh thần nhân văn sâu sắc. Kịch Lưu Quang Vũ chứa đựng không ít dự cảm về các vấn đề nhân sinh và xã hội Việt Nam sau này. Kịch Lưu Quang Vũ là kịch chính luận với

sự hòa trộn của hiện thực với giả tưởng, phi lý với logic, bi và hài, chất triết luận và chất thơ.

Dạy học thể loại kịch, đặc biệt là kịch Lưu Quang Vũ trong trường phổ thông là một thử thách đối với người dạy và người học. Tính chất phức tạp của kịch Lưu Quang Vũ về cả tư tưởng và bút pháp đòi hỏi hoạt động dạy học phải tìm đến các phương thức tiếp cận khác nhau. Hiệu quả của mỗi phương thức căn cứ vào tính tương thích với đối tượng tiếp nhận đặc thù. Ứng dụng lý thuyết liên văn bản vào dạy học kịch Lưu Quang Vũ là một đề xuất trong trường hợp này.

2.1.2. Vận dụng lý thuyết liên văn bản trong dạy học Ngữ Văn - cơ hội hướng tới phát triển năng lực người học

Lý thuyết liên văn bản hiện đại xuất hiện ở phương Tây khoảng những năm 60 của thế kỉ XX. Lý thuyết này gắn liền với ba tên tuổi là Jacques Derrida, Roland Barthes và Julia Kristeva - những lý thuyết gia tiên phong trong trào lưu giải cấu trúc và phê bình hậu hiện đại.

Lý thuyết này xem văn bản là “điểm giao cắt và biến đổi của các ngôn ngữ văn hóa, là sự phi thứ bậc hóa các quan hệ văn bản, ở sự phủ nhận các hình mẫu và quy phạm, ở sự xóa bỏ ranh giới giữa các văn bản (ranh giới niên đại và ranh giới hình thức) và ở sự tiếp nhận mọi văn bản như là một bộ phận của một văn bản vĩ mô to lớn, độc lập với việc tác giả có ý thức làm theo hình mẫu hay không” [2]. Có nghĩa là mọi văn bản ngay từ lúc khởi động đã chịu ảnh hưởng và nằm trong phạm vi tác động của những văn bản khác, mà mỗi văn bản như thế đến lượt nó, luôn luôn chịu chi phối bởi nhiều văn bản khác. Như vậy, mọi văn bản đều là *liên văn bản*. Hoặc như cách mô tả của Julia Kristeva: bất cứ văn bản nào cũng được tạo nên như một bức tranh khảm chứa đựng cả một thiên hà các trích dẫn, bất cứ văn bản nào cũng mang dấu vết của sự hấp thụ và chuyển thể từ các văn bản khác.

Về phía chủ thể sáng tạo, không nhà văn nào có thể tạo ra văn bản mới tuyệt đối. Nhà văn không chỉ viết bằng tài năng mà còn viết bằng bề dày tri thức, trải nghiệm. Những văn bản đã được nhà văn tiếp nhận trước và trong quá trình sáng tạo chuyên hóa một cách đặc biệt

thành trường thông tin cơ bản, ảnh hưởng lên toàn bộ quá trình hình thành tác phẩm. Tuy vậy, sự hấp thụ và chuyển hóa của các văn bản khác diễn ra nhuần nhuyễn, rất khó truy nguyên. Chính nhà văn cũng không có chủ ý và không thể kiểm soát được mức độ ảnh hưởng của các văn bản khác lên văn bản đang khởi tạo. Phát hiện về liên văn bản luôn thuộc về người đọc.

Về phía người tiếp nhận văn bản, hành động đọc và diễn dịch văn bản luôn được thực hiện cùng với sự liên tưởng, đối chiếu, hồi cố và phát hiện ra những liên kết và ẩn tàng trong văn bản. Đường biên giới của văn bản kéo dài, mở rộng liên tiếp buộc người đọc phải tìm đến dấu vết những văn bản khác mới có thể nhận ra được các tầng nghĩa phong phú, sự sâu sắc và độc đáo của tác phẩm.

Với đặc thù của văn bản văn học như trên, việc vận dụng lý thuyết liên văn bản vào dạy học Ngữ văn trong trường phổ thông sẽ đáp ứng tốt yêu cầu phát triển năng lực người học. Lối đọc liên văn bản là một quá trình gồm bốn giai đoạn: phân tích, kết hợp, tái tạo và diễn dịch. Do đó, đọc thực chất là một sự sáng tạo. Cách đọc liên văn bản sẽ hạn chế được những nhược điểm của lối học văn truyền thống: tiếp nhận một chiều, thụ động, máy móc; học sinh không có khả năng liên hệ với đời sống để thấy được các triết lý nhân sinh; không khơi gợi được năng lực nghệ thuật cho người học.

## 2.2. Thực tiễn dạy học trích đoạn kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ trong trường trung học phổ thông

Kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” là đỉnh cao trong kịch Lưu Quang Vũ, và có lẽ cũng là một trong những đỉnh cao của kịch nói Việt Nam cho đến thời điểm này. Luận đề trung tâm của vở kịch là cuộc đấu tranh âm thầm nhưng khốc liệt giữa linh hồn và thể xác để giữ lấy phẩm giá, đạo đức, nhân cách con người trong một xã hội đã đánh mất niềm tin vào những giá trị siêu nhân loại nhưng chưa tìm thấy giá trị thay thế. Nhưng đan xen, xuyên thấm trong vở kịch là những lớp nghĩa mang tính hiện sinh sâu sắc, bộc lộ nỗi hoang mang của con người hiện đại về hiện thực xã hội và về bản thể. Ở góc độ

này, có thể nói kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ là một tác phẩm “mang tính đa trị” về nội dung tư tưởng [3].

Là một văn bản văn học xuất sắc, nhưng việc dạy học vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ trong trường phổ thông đang tồn tại những bất cập sau:

2.2.1. Không phát triển được năng lực tiếp nhận văn bản cho người học: 1) Đóng khung nội dung của vở kịch, không thể phát triển các lớp nghĩa phong phú khác; 2) Không nhận ra được những điểm độc đáo về nghệ thuật của vở kịch.

2.2.2. Không phát triển được năng lực sáng tạo ở người học: 1) Học sinh tiếp nhận thụ động, hoàn toàn chấp nhận quan điểm của giáo viên trong quá trình đọc hiểu. Vì thế, học sinh không thấy cái hay của vở kịch, không thể tự khai thác văn bản nếu không có sự hướng dẫn của giáo viên. Nếu gặp những văn bản khác có độ phức tạp về nội dung và kỹ thuật viết, học sinh sẽ lúng túng hoặc bất lực khi tìm cách tiếp cận; 2) Học sinh không thể bàn luận về các vấn đề xã hội, các triết lý nhân sinh trong tác phẩm khi soi chiếu với thực tế đời sống.

2.2.3. Hạn chế trong phát triển năng lực ngôn ngữ

Năng lực tạo lập văn bản được hoàn thiện cơ bản ở cấp THPT, thông qua các văn bản nghị luận. Việc tiếp nhận, bàn luận về một văn bản khó như “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” sẽ kích thích năng lực diễn đạt, năng lực tạo lập văn bản cho học sinh. Nhưng do hạn chế từ khâu đọc hiểu, học sinh không thấu hiểu ý nghĩa tác phẩm cũng như không thể nghị luận về các vấn đề đặt ra trong tác phẩm.

2.2.4. Hạn chế về năng lực thẩm mỹ

Cho đến thời điểm này, Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực nghệ thuật duy nhất được học ở cấp THPT. Nhưng việc dạy học Ngữ văn thực chất không giúp ích nhiều cho việc phát triển năng lực thẩm mỹ cho người học. Năng lực thẩm mỹ biểu hiện trước hết ở việc người học có cảm nhận được vẻ đẹp của một tác phẩm văn chương hay không. Sự phát hiện đó phải mang tính tự giác. Các hướng dạy học truyền thống mang tính áp đặt một chiều không cung cấp cho người học năng lực này. Năng lực thẩm mỹ còn

thể hiện ở sự kích thích nhu cầu sáng tạo của người học. Thông thường, ở những người có tư chất nghệ sĩ, việc đọc những tác phẩm hay có thể làm trở dậy khao khát viết. Nhưng khi người học không tự giác thẩm cái hay cái đẹp, không có sự xúc động mãnh liệt trước một tác phẩm văn chương sẽ không có nhu cầu sáng tạo thẩm mỹ.

#### **Nguyên nhân:**

Một số ý kiến cho rằng vở kịch vượt quá khả năng nhận thức của người học. Tuy nhiên vở kịch được dạy ở lớp 12, học sinh lứa tuổi 17-18 hoàn toàn đủ năng lực tiếp nhận các vấn đề trong tác phẩm ở những cấp độ khác nhau. Vậy nguyên nhân chính nằm ở phương pháp giảng dạy và học tập.

- **Phương pháp dạy:** Các tài liệu hướng dẫn giáo viên hiện nay hầu hết chỉ gọi ra cách thức tiến hành giờ học, không chỉ ra hướng tiếp cận văn bản. Thực tế, khi lên lớp, giáo viên thường chỉ dạy luận điểm, áp đặt, dạy cái đã biết trước, không phải dạy cái đang được phát hiện. Cách dạy này buộc học sinh phải chấp nhận một chiến lược đã được định trước, phần việc còn lại chỉ là tìm ngữ liệu để minh họa cho những luận điểm có sẵn.

- **Phương pháp học:** Hướng dẫn học bài dành cho học sinh yêu cầu học sinh tách thành 3 yêu cầu: phát hiện ra ý nghĩa của văn bản, nhận xét về nghệ thuật kịch Lưu Quang Vũ qua đoạn trích. Phần mở rộng, nâng cao yêu cầu học sinh liên hệ thực tế và trình bày suy nghĩ về ý nghĩa triết lý của một lớp kịch. Hướng dẫn này bài bản, giúp học sinh nắm được một số vấn đề cơ bản của văn bản nhưng hạn chế tính tích cực chủ động của học sinh. Việc tiếp nhận văn bản theo hướng bóc tách một cách cơ học không chỉ làm hỏng tính chỉnh thể của văn bản mà không phát triển được các năng lực cao hơn cho học sinh.

Mỗi văn bản văn học là duy nhất, không lặp lại, bởi vậy không thể có một phương pháp chung cho mọi văn bản. Nhưng các văn bản có thể cùng nhóm chủ đề, nhóm thi pháp, nhóm khuynh hướng... Sự tương đồng của các nhóm theo các tiêu chí nhất định cho thấy có thể sử dụng một/một vài công cụ cho từng nhóm. Và công cụ tốt nhất không phải là đề tài mà là thủ

pháp văn học cụ thể hoặc dựa vào nguyên lý phổ quát của sự tồn tại của văn bản văn học. Đối với một văn bản riêng lẻ, việc sử dụng phương pháp này cũng đạt hiệu quả tốt.

Với đoạn trích vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ, chúng tôi đề xuất cách dạy học văn bản từ việc vận dụng lý thuyết liên văn bản vì những lý do đã phân tích ở trên.

### **2.3. Những biểu hiện cụ thể của Liên văn bản trong trích đoạn kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt”**

#### **2.3.1. Liên văn bản ở thể loại**

Kịch bản văn học ở thời kì đầu không độc lập với sân khấu. Qua quá trình phát triển, kịch bản văn học trở thành một thể loại quan trọng, phẩm chất văn học được coi trọng hơn phẩm chất sân khấu. Nhưng ảnh hưởng của nghệ thuật sân khấu lên kịch bản văn học không mất đi, ngược lại nó làm cho kịch có những thuộc tính đặc biệt, trở thành một trong ba thể loại văn học chính bên cạnh tự sự và trữ tình.

Trong đoạn trích vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”, nghệ thuật sân khấu thể hiện rõ nhất ở tính chất ước lệ trong bài trí và hành động kịch.

- Có một cảnh bài trí quan trọng: chiếc chõng xuất hiện ở phần đầu đoạn trích. Chiếc chõng là một đạo cụ quen thuộc trong sân khấu truyền thống. Nó xuất hiện trong hầu hết các vở kịch dân gian (đặc biệt là khu vực Bắc bộ). Chõng là một vật dụng quen thuộc trong đời sống của người bình dân. Dân dã nhưng đa dụng trong sinh hoạt, chõng xuất hiện trên sân khấu dân gian với tư cách vừa là đạo cụ, vừa là bài trí. Nó biểu hiện tính chất bình dân của bối cảnh, con người. Chiếc chõng xuất hiện là một chi tiết của sự mô phỏng khung cảnh gia đình hẹp. Vậy mâu thuẫn đầu tiên xuất hiện sẽ thuộc về con người cá nhân trong bối cảnh quen thuộc của nó. Bên cạnh đó, chiếc chõng là kiểu bài trí tối giản quen thuộc của sân khấu truyền thống. Người đọc có thể tìm thấy đặc điểm này ở bất cứ vở kịch dân gian nào.

- Hành động kịch. Kịch luôn thể hiện đời sống ở thời hiện tại, nhưng do không gian, thời

gian hạn hẹp của sân khấu nên ngôn ngữ và hành động kịch mang tính ước lệ. Hành động của nhân vật hầu hết dừng ở mức cử chỉ. Chẳng hạn nhân vật Trương Ba “*bị tai*”, “*lắc đầu*”, “*ngồi xuống*”, “*tay ôm đầu*”, “*ngồi xuống, nghĩ ngợi*”, “*lắm bầm*”, “*nhìn ra ngoài*” là những ước lệ của trạng thái tâm lý. Một số hành động mạnh mẽ, quyết liệt hơn như “*đứng dậy, đến bên cột nhà, lấy một nén hương châm lửa, thấp lên*”, “*lấy bó hương ra, bẻ gãy cả bó*” [4] là ước lệ của cao trào trong nhận thức của nhân vật. Ảnh hưởng của sân khấu chèo truyền thống ở đây rất rõ. Hành động của nhân vật ước lệ một cách thoá đáng. Nó không khép kín những quy tắc ước lệ cứng nhắc mà gần gũi với hiện thực trước mắt. Người xem biết là giả, nhưng vẫn bị thu hút bởi cảm giác chân thật, sinh động, gợi mở.

### 2.3.2. Liên văn bản ở đề tài

Kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” được Lưu Quang Vũ viết dựa trên cốt truyện dân gian “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”. Truyền kể về việc Nam Tào tặc trách, gạch nhằm tên Trương Ba khiến ông này chết. Khi còn sống, Trương Ba vốn giỏi đánh cờ nên thân với tiên Đế Thích. Đế Thích đã làm cho Trương Ba sống lại bằng cách cho nhập hồn vào thân xác anh hàng thịt vừa qua đời. Truyện cổ tích dừng lại ở đó, một kiểu kết thúc có hậu của văn học dân gian. Lưu Quang Vũ đã làm mới cốt truyện cổ, viết nên một bi kịch trong đó các nhân vật chính đều bị dày vò trong bi kịch riêng.

Cũng dựa vào cốt truyện này, cuối thế kỉ XIX, soạn giả Nguyễn Hữu Dĩnh đã soạn vở tuồng Trương Đồ Nhục. Vở tuồng kể về việc Diêm Vương nhắm mắt kí bùa, khiến cho hồn Trương thiên sư phải nhập vào xác anh hàng thịt Trương Đồ Nhục. Tiếp sau đó cuộc tranh giành quyết liệt giữa vợ anh hàng thịt và các sư sãi trong chùa, họ dẫn nhau đến cửa quan kiện tụng. Vì không có lễ vật nên các quan đã xử rằng: thiên sư lo việc đèn nhang, kinh kệ từ rạng sáng đến hết canh một. Từ canh hai cho đến rạng sáng hôm sau, Đồ Nhục sẽ về với vợ. Đây là vở hài kịch châm biếm thói quan liêu và các tệ lậu của đám quan lại thói nát dẫn đến những bi hài kịch của đời sống nhân dân.

### 2.3.3. Liên văn bản ở hệ thống biểu tượng

Kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt” dày đặc các biểu tượng. Trong đoạn trích có các biểu tượng quan trọng sau:

- *Biểu tượng hồn/xác tượng trưng cho các mối quan hệ:*

+ Quan hệ giữa phần tinh thần/ thể xác của một con người.

+ Quan hệ giữa cái cao cả, thuần khiết với phần tầm tối, thô lậu trong tâm hồn, tính cách con người.

+ Quan hệ giữa những con người có phẩm cách với môi trường xã hội đang ngày càng tôn sùng vật chất.

- *Biểu tượng nghề nghiệp như là một mã văn hóa*

+ Trương Ba - người làm vườn, người đánh cờ: con người có văn hóa, người vun trồng sự sống.

+ Người hàng thịt - đồ tể, kẻ đem đến cái chết.

- *Các vị thần tiên: biểu tượng của quyền lực*

+ Nam Tào: nắm giữ vận mệnh của con người nhưng cầu thả, tặc trách gây hậu quả nghiêm trọng.

+ Đế Thích: tâm tốt nhưng duy ý chí, không hiểu được nhu cầu và cảm xúc con người.

- *Những người phụ nữ: biểu tượng của đời sống gia đình*

+ Sự thấu hiểu, cảm thông: người con dâu

+ Sự trong sáng và trực giác tuyệt vời: cái Gái

+ Người gánh chịu mọi hệ lụy, khổ đau từ người đàn ông: vợ Trương Ba.

Các biểu tượng trên không mới, chúng xuất hiện trong nhiều văn bản từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. Ý nghĩa của các biểu tượng cơ bản đã cố định, người đọc có thể nhận ra được nhờ vào sự liên tưởng, đối sánh. Lưu Quang Vũ không tạo ra biểu tượng mới mà cho các biểu tượng cũ vận động quanh một trục tư tưởng mới, khiến các biểu tượng cũ mang những chiều kích mới, sâu sắc và phức tạp hơn.

### 2.3.4. Liên văn bản ở ngôn ngữ kịch

Ngôn ngữ kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” chịu ảnh hưởng của môi văn hóa, xã hội thời kì đầu đời mới rất rõ. Các yếu tố này tiềm

tàng trong tác giả, chuyển hóa thành một thực hành ngôn ngữ đặc trưng.

- Ngôn ngữ đối thoại giữa hồn Trương Ba, xác hàng thịt: sự lấn lướt thô bạo, cái xảo biện tinh ranh và sự uất ức thực sự của thể xác mang dấu vết ngôn ngữ của một kiểu người thiên về sức mạnh vật chất đang xuất hiện nhiều hơn trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Trong khi đó, lời của hồn Trương Ba yếu ớt, bất lực, đuối dần trước lí lẽ trắng trợn nhưng khó phân bác của thể xác. Đây là kiểu ngôn ngữ triết lí vừa thâm thúy vừa cay đắng của thời đại in dấu vào văn bản kịch Lưu Quang Vũ.

- Ngôn ngữ đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích mang tính hạ bệ, giải thiêng thần thánh. Đế Thích bộc lộ sự giản đơn, duy ý chí, xa rời thực tế: *“Con người hạ giới các ông thật kì lạ”, “Ông phải sống, dù bất cứ giá nào”, “Nhờ ông đánh cờ với tôi, người trên trời dưới đất mới biết tôi cao cờ thế nào... Ông chính là lẽ tồn tại của tôi”* [4].

Ngoài ra, Đế Thích còn có nhiều câu thoại bề ngoài vô tình bề trong hữu ý cho thấy diện mạo của tầng lớp nắm quyền lực: cái chết của cụ Tị *“chắc lại do hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu tặc trách gạch tên bừa, hoặc cũng do bà Vương Hậu ép, bà ấy không ưa trẻ con. Lệnh của bà ấy thì chẳng ai cưỡng được”* *“trên trời dưới đất đều thế cả nữa là ông”* *“trị tội hết tiên hết thần thì lấy gì cho dân chúng họ thờ”* [4].

Chịu ảnh hưởng của kiểu ngôn ngữ thời đại, ngôn ngữ trong đoạn trích *“Hồn Trương Ba, da hàng thịt”* được xử lý bằng thủ pháp nhại nên tạo ra hiệu quả biểu đạt rất mạnh, khiến cho lời thoại trong đoạn kịch là một chỉnh thể độc đáo của chất triết lý, chất trữ tình, chất hài hước (hài hước đen). Từ đó, kịch tính được đẩy cao, dồn nén cho đến lúc bùng nổ hành động kịch.

**2.4. Đề xuất phương pháp vận dụng lí thuyết Liên văn bản vào dạy học “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” theo định hướng phát triển năng lực người học**

**2.4.1. Hướng dẫn HS chuẩn bị trước cho bài học**

**Mục tiêu:** Việc chuẩn bị trước các nội dung có liên quan đến bài học sẽ giúp phát triển năng

lực tự học, tự nghiên cứu bài học, tạo hứng thú cho học sinh để bước vào tìm hiểu tác phẩm.

Giáo viên giao việc cho học sinh chuẩn bị theo những nội dung sau:

- Tìm hiểu về tác giả: ngoài các thông tin trong sách giáo khoa, học sinh tìm đọc thêm về cuộc đời và sự nghiệp văn học Lưu Quang Vũ, đặc điểm kịch Lưu Quang Vũ.

- Tìm hiểu về truyện cổ *“Hồn Trương Ba, da hàng thịt”*, nắm được cốt truyện, so sánh với vở kịch để thấy được sự phát triển của kịch so với truyện gốc. Từ đó nhận xét về ý nghĩa của vở kịch và sự sáng tạo của Lưu Quang Vũ.

- Tìm hiểu về hoàn cảnh xã hội Việt Nam thời kì đầu đổi mới để hiểu được những vấn đề xã hội được nhắc đến trong tác phẩm. Từ đó hiểu được sự trăn trở, day dứt của nhà văn về sự suy đồi đạo đức, suy thoái chất người; hiểu được khao khát giữ gìn vẻ đẹp của văn hóa và lòng nhân trong biến động của thực tại.

- Đọc kỹ văn bản

Lưu ý: Ở bước chuẩn bị, tốt nhất nên tiến hành theo nhóm.

**2.4.2. Tiến trình giờ học**

**Mục tiêu:** Giúp học sinh phát triển năng lực tiếp nhận văn bản văn học.

\* Phần tìm hiểu chung: Học sinh trình bày ngắn gọn những nội dung đã giao trước, tập trung làm rõ sự phát triển và thay đổi của vở kịch so với truyện cổ gốc.

\* Phần đọc - hiểu: căn cứ vào đặc trưng thể loại, phần đọc - hiểu nên bám vào cấu trúc đoạn trích. Tiến hành đọc hiểu theo bốn lớp kịch.

+ *Lớp kịch 1: đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt*

- Học sinh tìm hiểu và phát hiện ý nghĩa của biểu tượng chiếc chõng

- Phát hiện ý nghĩa của biểu tượng hồn/xác

- Nắm được đặc điểm ngôn ngữ hai nhân vật.

**Tiểu kết:** đoạn đối thoại cho thấy bi kịch tinh thần trầm trọng của Trương Ba. Ông nhận ra đã đánh mất mình trong thân xác kẻ khác. Sự sống được ban tặng đã trở thành vô nghĩa đối với chính ông.

**Lưu ý:** đây là đoạn đối thoại quan trọng nhất vì nó bao chứa trong đó nhiều lớp nghĩa có

tính triết lý phức tạp. Thời lượng dành cho phần này phải lớn nhất.

+ *Lớp kịch 2: đối thoại giữa Trương Ba và những người thân trong gia đình*

- Đối thoại giữa Trương Ba và người con dâu: Sự cảm thông và bất lực của người con.

- Đối thoại giữa Trương Ba và cái Gái: phản ứng quyết liệt của cái Gái chứng tỏ tình yêu sâu sắc dành cho người ông đã mất. Trực giác nhạy bén của trẻ thơ khiến Gái nhận ra những thay đổi nhỏ nhưng mang tính bản chất ở Trương Ba.

- Đối thoại giữa Trương Ba và người vợ: nỗi khổ đau dồn nén, sự tuyệt vọng của người đàn bà đã hết lòng thương yêu Trương Ba nhưng đã thất vọng hoàn toàn về hoàn cảnh và sự biến chất của Trương Ba.

**Tiểu kết:** Học sinh phát hiện ý nghĩa biểu tượng người phụ nữ trong gia đình: họ là những người yêu thương Trương Ba vô điều kiện, cảm thông với ông trong hoàn cảnh trở trêu nhưng chính họ là những người nhận ra sự biến chất của Trương Ba. Và họ là những người chịu đựng đau khổ dằn vặt vì ông nhiều nhất. Trương Ba nhận thức đầy đủ rằng sự sống của ông thực chất chỉ đem lại nỗi đau khổ cho những người thân yêu.

+ *Lớp kịch 3: đối thoại giữa Trương Ba và tiên Đế Thích*

- Học sinh tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng thần tiên.

- Phân tích những câu thoại quan trọng để thấy được tác giả đã nhìn nhận thực tại xã hội như thế nào.

**Tiểu kết:** Trương Ba hiểu được rằng đối với xã hội, nhất là với những người có quyền lực, sự sống của ông chỉ là công cụ cho những nhu cầu ích kỷ của họ. Vì vậy, họ không thể hiểu được nỗi khổ đau, dằn vặt của Trương Ba với tư cách là một con người cá nhân.

+ *Lớp kịch 4: Trương Ba chọn cách đi vào hư vô*

- Học sinh phát hiện ý nghĩa của chi tiết hồn Trương Ba chập chờn xuất hiện: Cái đẹp, cái thiện luôn tồn tại trong cuộc sống.

- Ý nghĩa chi tiết cái Gái vùi hạt na xuống đất: cái đẹp, cái thiện sẽ tiếp tục được gieo

trồng từ bàn tay của những người trẻ tuổi, tiếp nối những gì Trương Ba đã cố giữ khi còn sống.

**Tiểu kết:** Trương Ba chọn cái chết để không phải chịu đựng bị kịch và gây ra bi kịch. Có thể nói đây là sự bại vong của cái đẹp, cái thiện trong một thời điểm nhất định. Nhưng hình ảnh Trương Ba thiện lương sống mãi trong kí ức và tình cảm của những người xung quanh. Đến một lúc nào đó, cái đẹp, cái thiện sẽ trỗi dậy, đẩy lùi cái xấu, cái ác. Đó là quy luật tất yếu của đời sống.

2.4.3. Hoạt động trải nghiệm:

**Mục tiêu:** phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh

**Hoạt động 1:** Liên văn bản một số chủ đề trong kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt” với các văn bản khác.

Gợi ý:

Mô typ bi kịch của một linh hồn bất tử như trong “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”:

- Bộ tiểu thuyết nổi tiếng về ma cà rồng của Stephennie Meyer: kể về môi tình đầy sóng gió giữa một ma cà rồng bất tử với một cô gái bình thường. Nỗi lo sợ về sự hữu hạn của cuộc đời với khát vọng tình yêu khiến cho sự bất tử không còn là món quà vô giá nữa.

- Nhân vật Đại úy Mỹ trong seri phim Avengers là anh hùng cứu thế bất tử, nhưng người này luôn mang trong tim nỗi đau mất đi người mình yêu thương nhất. Cuối cùng Đại úy Mỹ đã chọn cách từ bỏ sự bất tử để sống nốt với những vui buồn trần thế và sẽ được chết vì tuổi già như mọi người.

**Hoạt động 2:** viết bài luận để rèn luyện năng lực tạo lập văn bản

Yêu cầu học sinh chọn một trong số những câu thoại sau để viết bài luận:

- “Không thể bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”.

- “Không thể sống bằng mọi giá”.

Học sinh chọn một trong số các ý nghĩa của biểu tượng Hồn/Xác để viết bài luận.

**Hoạt động 3: Sân khấu hóa**

Giáo viên tổ chức cho học sinh đóng kịch. Hoạt động này nên tổ chức lồng ghép vào hoạt động câu lạc bộ hoặc ngoại khóa. Hoặc học sinh đóng rồi quay clip làm tư liệu.



## 2.5. Phần kết

Phát triển năng lực cụ thể chuyên biệt cho học sinh là một mục tiêu quan trọng, giúp thay đổi chất lượng giảng dạy và học tập trong trường phổ thông trong thời kì mới. Ngữ văn vừa là một môn nghệ thuật vừa là một môn khoa học nên việc giảng dạy phải đảm bảo phát triển được năng lực khoa học với năng lực thẩm mỹ cho học sinh. Hướng dạy học vận dụng lý thuyết liên văn bản là một đề xuất nhằm thực hiện được mục tiêu đó. Hướng dạy học này có thể khắc phục được cơ bản những nhược điểm của lối dạy học truyền thống. Hướng dạy học này đòi hỏi giáo viên phải vững vàng về kiến thức văn bản và kiến thức lý luận, phải độc lập, sáng tạo về phương pháp và biết cách tổ chức cho học sinh làm việc. Trong thực tế giảng dạy môn Ngữ văn trong trường phổ thông hiện nay, hướng dạy học này sẽ tận dụng được những ưu điểm của cả hai cách dạy truyền thống và hiện đại.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Chương trình giáo dục phổ thông/Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [2] Liên văn bản - sự xuất hiện của khái niệm về lịch sử và lý thuyết của vấn đề. L.P. Rjanskaya.  
<https://phebinhvanhoc.com.vn/lien-van-ban-su-xuat-hien-cua-khai-niem-ve-lich-su-va-ly-thuyet-cua-van-de/>, 2019 (truy cập ngày 18-7-2019).
- [3] “Hồn” và “xác” hay tính đa trị trong “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”- Lê Huy Bắc.  
[http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=4639%3Ahn-va-xac-hay-tinh-a-tr-trong-hn-trng-ba-da-hang-tht&catid=95%3Agh-thut-hc&Itemid=154&lang=vi/](http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=4639%3Ahn-va-xac-hay-tinh-a-tr-trong-hn-trng-ba-da-hang-tht&catid=95%3Agh-thut-hc&Itemid=154&lang=vi/), 2019 (truy cập ngày 22-7-2019).
- [4] Sách giáo khoa Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.